TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 32**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Hoan

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thuân, là Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lò Thị L; Nơi đăng ký HKTT: Bản N, xã N N, thành phố B, tỉnh Đ; Chỗ ở: Bản C C, xã M P, huyện B, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Bị đơn: Ông Lường Văn T: Địa chỉ: Bản N, xã N N, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lò Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Lường Văn T lấy nhau có tổ chức theo phong tục tập quán và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M P, huyện Đ vào ngày 04/3/2016, chúng tôi kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do ông T không chịu khó làm ăn, kinh tế gặp nhiều khó khăn, bà L đã xin đi làm để có kinh tế nuôi các con nhưng ông T không thông cảm, về ghen tuông vô cớ xong đánh đập bà L. Những lần va chạm bà L và gia đình đã khuyên giải ông T, ông T hứa xin sửa chữa và bản thân bà L vì thương các con

còn nhỏ lên cố gắng ở và chịu đựng. Vào khoảng tháng 01/ 2023 do vợ chồng mâu thuẫn ông T đánh đập bà L, sau đó bà L đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án sau đó ông T đến Tòa xin bà L đã rút đơn về, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn 1 tuần ông T đi uống rượu với bạn về và đã đánh bà L. Bà L đã đưa con về bố mẹ đẻ ở từ đầu tháng 02/2023 cho đến nay, bà L và ông T không còn quan tâm đến nhau, bản thân bà L không còn tình cảm với ông T, ở với ông T không còn tình yêu thương, hôn nhân của bà L và ông T mâu thuẫn đã dẫn đến trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên phủ xem xét, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung

- Cháu thứ nhất là Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cháu đang ở với ông T; Cháu thứ hai là Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019. Hiện cháu đang ở với bà L. Bà L xin nuôi hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung:

Do ông T không chịu khó làm ăn và hay uống rượu dẫn đến không có điều kiện nuôi con. Bà L có nguyện vọng được nuôi hai con chung vì hai cháu đều là con gái.

- Về con riêng: Bà L không có con riêng; Ông T có 01 con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản, nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. ***Tại bản tự khai ngày 11/7/2023 bị đơn anh Lường Văn T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Pồn, huyện Điện Biên vào ngày 04/3/2016, chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có vay 20.000.000 đồng của tập thể không bàn bạc gì với bà L dẫn đến vợ chồng cãi nhau, sau đó bà L bỏ về bên mẹ đẻ ở, cuối năm 2022 ông T có lên nhà bố mẹ bà L để đón con và bà L về, hai bên đã to tiếng ông T không kiềm chế được đã tát bà L 1 cái. Đến nay bà L làm đơn xin ly hôn ông T, ông T hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung

- Cháu lớn nhất là Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cháu đang ở với ông T; Cháu thứ hai là Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019. Hiện cháu đang ở với bà L. Ly hôn ông T xin nuôi cháu G còn để bà L nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T xin nuôi cháu G vì ông T có thu nhập ổn định, nhà ông T gần trường học đảm bảo cho cháu đi học, ông T có bố mẹ giúp chăm sóc cháu, cháu ở với ông T đảm bảo về mọi mặt cho cháu G. Vì vậy ông T có nguyện vọng xin nuôi cháu G, để bà L nuôi cháu H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con riêng: Bà L không có con riêng. Ông T có 1 con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung, nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông T: Sau khi thụ lý vụ án và tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần 1 ông T có mặt tại Tòa án đối với phiên hòa giải lần 2 ông T không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa ông T vắng mặt không có lý do.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc T theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc T theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải Tưởng vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc T theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã T theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc T theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải Tưởng vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, 55, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cho bà L ly hôn với ông T; Giao cháu Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019 cho bà Lò Thị L được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cho ông Lường Văn T sẽ trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con;

- Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/5/2023 bà Lò Thị L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Lường Văn T có địa chỉ: Bản N, xã N N, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 04/7/2023 bà L đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Lò Thị L và ông Lường Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Lò Thị L và ông Lường Văn T kết hôn tại UBND xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/3/2016, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà L và ông T đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là, do ông T hay uống rượu dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay, bà L và ông T không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải xong vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, từ tháng 7 năm 2022 bà L đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại Bản C C, xã M P,

huyện B, tỉnh Đ sinh sống cho đến nay, bà L và ông T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Ngày 24/7/2023 tại buổi tiếp cận chứng cứ và hòa giải ông T cũng nhất trí ly hôn.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo bằng điện thoại, bằng văn bản cho ông T được biết và Tòa án đã hòa giải lần 1 vào ngày 24/7/2023 ông T nhất trí ly hôn, về con chung xin nuôi cháu G còn bà L nuôi cháu H, bà Là không nhất trí, đến ngày 17/8/2023 Tòa án đã tổ chức hòa giải cho bà L và ông T sau đó ông T không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập ông T nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 2; vắng mặt tại buổi hòa giải lần 2 do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay bà L có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà L khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị L và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa bà Lò Thị L và ông Lường Văn T..

[2.2] Xét về con chung: Bà Lò Thị L và ông Lường Văn T có 02 con chung: Cháu lớn nhất là Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cháu đang ở với ông T; Cháu thứ hai là Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019. Hiện cháu đang ở với bà L.

Tại đơn khởi kiện và tại buổi tiếp cận chứng cứ và hòa giải ngày 24/7/2023 bà L xin nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Tuận cấp dưỡng nuôi con chung. Đến buổi tiếp cận chứng cứ và hòa giải ngày 17/8/2023 bà L xin rút 1 phần yêu cầu. Bà L nhất trí để ông T nuôi cháu G, hiện nay cháu G đã được ông T làm thủ tục nhập học ổn định tại xã Nà Nhạn. Đối với cháu H bà L xin nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023 cháu Lường Thị Thùy G có nguyện vọng về ở với bà L. Hiện nay cháu G cũng đang ở với ông T. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà L xin rút 1 phần yêu cầu về việc bà L nhất trí giao cháu Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cho ông Lường Văn T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019 cho bà Lò Thị L sẽ trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về con riêng: Chấp nhận nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lò Thị L

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lò Thị L với ông Lường Văn T.

2. Về con chung, con riêng:

- Về con chung:

Giao cháu Lường Thị Thùy G, sinh ngày 12/7/2016 cho ông Lường Văn T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Giao cháu Lường Thị H, sinh ngày 05/6/2019 cho bà Lò Thị L được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lò Thị L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST bà L đã nộp theo biên lai thu tiền 0002263 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lò Thị L và ông Lường Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mường Pồn, huyện Điện Biên;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương H

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thương H